TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/DS-ST
Ngày: 26-5-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Thanh Hiền.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Gót.
2. Ông Huỳnh Văn Tuấn.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Phan Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2026/TLST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2026/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 244/2026/QĐST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ngô Chí D: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Thành T: Anh Phạm Văn A, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (văn bản ủy quyền số 38/2026/UQ-VPB ngày 16/01/2026).

- Bị đơn: Bùi Thị Mỹ H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số A, tổ E, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh A vắng mặt có đơn xin vắng mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V có anh Phạm Văn A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/03/2023 bà Bùi Thị My H1 đã ký Hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 126.000.000 đồng, mục đích vay là vay tiêu dùng, thời hạn vay là

30 tháng (từ ngày 22/03/2023 đến ngàv 03/09/2025), lãi suất cho vay trong hạn tối da là 44%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay. Mức lãi suất tham chiếu nêu trên dược xác định theo Biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với các khoản vay không có Tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân tại V1 được niêm yết tại wedsite của V1.

Thời điểm vi phạm hợp đồng là ngày 04/09/2024, nguyên nhân phát sinh tranh chấp là khách hàng không thanh toán theo định kỳ hàng tháng cho ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì khách hàng Bùi Thị My H1 đã thanh toán tính đến ngày 19/07/2025 là 115,780.883 đồng, trong đó nợ gốc là 52.240.492 đồng và nợ lãi 63.540.391 đồng. Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của khách hàng mở tại V1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Bùi Thị Mỹ H nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù, ngân hàng T1, làm việc trực tiếp để yêu cầu bà Bùi Thị Mỹ H phải thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian đề bà Bùi Thị Mỹ H chủ động trả nợ. Tuy nhiên, đến nay bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 26/5/2026, bà Bùi Thị Mỹ H có trách nhiệm phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 157.784.723 đồng, trong đó nợ gốc là 73.759.508 đồng và tiền lãi là 84.025.215 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Bùi Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 73.759.508 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/5/2026 với tiền lãi là 84.025.215 đồng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 157.784.723 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn là Bùi Thị Mỹ H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và Tòa án đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện, yêu cầu của Ngân hàng TMCP V trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là Bùi Thị Mỹ H có nơi cư trú tại số A, tổ E, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án

nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là Bùi Thị Mỹ H vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Bùi Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 73.759.508 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/5/2026 với tiền lãi là 84.025.215 đồng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 157.784.723 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh gồm: Hợp đồng vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ngày 06/03/2023 giữa bà Bùi Thị My H1 với Ngân hàng TMCP V, số tiền vay, cấp hạn mức tín dụng là 126.000.000 đồng, mục đích vay là vay tiêu dùng, thời hạn vay là 30 tháng (từ ngày 22/03/2023 đến ngàv 03/09/2025), lãi suất cho vay trong hạn tối da là 44%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay có chữ ký, họ tên của Bùi Thị Mỹ H; Thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn ngày 18/7/2025 và bảng tính lãi quá hạn thể hiện số tiền nợ gốc là 73.759.508 đồng và tiền lãi là 84.025.215 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 157.784.723 đồng mà bà Bùi Thị Mỹ H còn nợ Ngân hàng TMCP V.

Quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho phía bị đơn. Tuy nhiên phía bị đơn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Sau khi vay tiền bà Bùi Thị Mỹ H nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán (trả) tiền nợ gốc, tiền lãi cho Ngân hàng TMCP V theo thỏa thuận trong hợp đồng, mặc dù Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ khi đến hạn thanh toán nợ nhưng bà H không trả, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bà H còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 73.759.508 đồng và tiền lãi là 84.025.215 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 157.784.723 đồng. Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ nên bà H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 157.784.723 đồng cho Ngân hàng TMCP V.

Từ những phân tích và căn cứ vào các Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự, Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Bùi Thị Mỹ H trả số tiền còn

nợ gốc là 73.759.508 đồng và tiền lãi là 84.025.215 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 157.784.723 đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 351, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu bà Bùi Thị Mỹ H trả số tiền còn nợ gốc là 73.759.508 đồng và tiền lãi là 84.025.215 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 157.784.723 đồng.

Buộc bà Bùi Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 73.759.508 đồng và tiền lãi là 84.025.215 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 157.784.723 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay.

- Về án phí dân dự sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Mỹ H phải nộp 7.889.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.787.000 đồng theo biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0011989, ngày 30/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Hiền